

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KVA
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/DS-ST
Ngày: 26 -9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KVA - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Trần Văn Mới

- Thư ký Phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân
KVA – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KVA – Cần Thơ tham gia Phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST - DS ngày 23 tháng 7
năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025
và quyết định hoãn Phiên tòa số 198/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K

Trụ sở chính: Số AB-CD-EF, PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh
Kiên Giang. (nay là AB-CD-EF Đường PHT, phường RG, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương C – chức vụ: Quản lý
cao cấp khách hàng cá nhân kiêm quản lý cao cấp khách hàng doanh nghiệp (có
mặt).

Địa chỉ: Số BCB đường XV/Z, khu vực S, phường OM, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1976 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp DT, xã DB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. (nay là ấp DT, xã ĐTh, thành phố Cần Thơ)

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đặng Văn B, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực TL1, phường TA, quận OM, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực TL1, phường OM, thành phố Cần Thơ).

+ Ông Đặng Dân P, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp DT, xã ĐTh, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại Pên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Ngọc L có ký kết với Ngân hàng K – PGD OM Hợp đồng tín dụng số kiêm hợp đồng cầm cố số A8XXXXXX - A8YYYYYY/HĐTD-CC ngày 02/8/2019 để vay số tiền 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng); Mục đích vay: tiêu dùng; Thời hạn vay: 180 ngày (ngày đáo hạn 30/01/2020); Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình vay vốn, ông K và ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 7.832.550 đồng và lãi 621.603 đồng tính đến ngày 19/10/2019. Từ ngày 20/10/2019 ông K và ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng K yêu cầu ông K và ông L phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 54.988.057 đồng (trong đó gốc 22.167.450 đồng, lãi trong hạn 1.749.083 đồng, lãi quá hạn 31.071.524 đồng) tính đến ngày 26/9/2025 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 27/9/2025 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Sau khi ông K và ông L thực hiện thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ trả lại tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 65HZ-KKK.MM.

Bị đơn Nguyễn Trung K trình bày: Khoảng 08 năm về trước ông có thể chấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tại Ngân hàng K. Do ông Đặng Dân P cộng tác viên làm hồ sơ. Ông đã trả tiền cho ông P xong. Nay Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu ông trả tiền vay thì ông không đồng ý.

Ông Đặng Văn B trình bày: Từ năm 2015 ông bắt đầu làm cộng tác viên cho Ngân hàng K. Khi có khách hàng có nhu cầu vay vốn, ông sẽ hỗ trợ khách hàng đến Ngân hàng làm thủ tục và khách hàng trực tiếp ký hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản đối với Ngân hàng. Ông không ký hợp đồng với tư cách bảo lãnh. Tuy nhiên, thực tế khách hàng thanh toán thông qua ông, ông mới nộp lại cho Ngân hàng. Khách hàng không trực tiếp đến thanh toán lãi và gốc cho Ngân hàng. Hình thức thanh toán cho Ngân hàng: tổng số tiền thu được hàng ngày của khách hàng phải chia đều ra cho tất cả các khách hàng (kể cả khách hàng không thanh toán). Tất cả sổ sách, chứng từ theo dõi ông phải nộp cho Ngân hàng, ông không được quản lý. Vì vậy, hiện nay ông không biết khách hàng nào thanh toán bao nhiêu, khách hàng nào còn nợ bao nhiêu. Tất cả các khoản thu của khách hàng ông đều nộp cho Ngân hàng. Khi ông thu nợ của khách hàng, ông đều ký tên vào sổ theo dõi của khách hàng. Đối với khách hàng K, L ông có nhờ Cộng tác viên Đặng Văn P thu nợ thay ông. Do ông cũng nhờ P thu nhiều khách hàng và P giao lại cho ông tiền của nhiều khách nên ông không nhớ số tiền từng khách trả. Ông không nhớ được số tiền đã thu của từng khách hàng nên cũng không rõ nghĩa vụ của mình đối với từng khách hàng. Khi nào khách hàng khởi kiện ông thì ông yêu cầu Ngân hàng cung cấp chứng từ đối chiếu để làm rõ. Vì không làm rõ được số tiền tất cả khách hàng trả nên ông không chịu trách nhiệm thay khách hàng trong trường hợp này được.

Ông Đặng Dân P trình bày: Ông có ký hợp đồng là cộng tác viên của Ngân hàng K, công việc chính là tìm khách hàng để cho vay đối với khoản vay trả

theo ngày. Ông là đồng nghiệp với ông Đặng Văn B nên thỉnh thoảng ông B có nhờ ông thu hộ tiền do khách hàng của ông B thanh toán. Đối với khách hàng K, L ông có thu nợ thay ông B. Do ông cũng thu hộ nhiều khách hàng và đều giao lại cho ông B số tiền của nhiều khách nên ông không nhớ số tiền từng khách trả. Vì khi thu thì ông có ký vào sổ theo dõi của khách hàng, khách hàng phải cung cấp sổ theo dõi thì mới biết rõ. Ông không rõ đã thu của khách hàng K, L bao nhiêu và khách hàng này còn nợ bao nhiêu ông cũng không rõ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại Phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 98, 100, 108 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 92, khoản 6 Điều 95 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông K và ông L phải trả Ngân hàng K số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 54.988.057 đồng (trong đó gốc 22.167.450 đồng, lãi trong hạn 1.749.083 đồng, lãi quá hạn 31.071.524 đồng) và lãi phát sinh thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A8XXXXXX - A8YYYYY/HĐTD-CC ngày 02/8/2019. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần K(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn

Nguyễn Trung K và Nguyễn Ngọc L cư trú tại ấp DT, xã ĐTh, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ.

Bị đơn được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng số kiêm hợp đồng cầm cố số A8XXXXX - A8YYYYY/HĐTD-CC ngày 02/8/2019 giữa ông Nguyễn Trung K và Nguyễn Ngọc L với Ngân hàng K và lời trình bày của ông K, đủ căn cứ xác định ông K và ông L có vay tại Ngân hàng K số tiền 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng); Mục đích vay: tiêu dùng; Thời hạn vay: 180 ngày; Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 02/8/2019, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng (tài khoản ghi nợ Đặng Văn B và tài khoản đối ứng Nguyễn Trung K). Đồng thời, ông K thừa nhận có vay số tiền trên từ Ngân hàng K.

Căn cứ các phiếu thu tiền vay do ông B nộp của các khách hàng và bảng kê thu tiền chi tiết do ngân hàng cung cấp trong đó có khách hàng Nguyễn Trung K. Từ khi vay đến ngày 19/10/2019 ông B đã nộp số tiền nợ gốc cho ông K là 7.832.550 đồng và lãi 621.603 đồng. Tính đến thời điểm xét xử, ông K, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền 54.988.057 đồng (trong đó gốc 22.167.450 đồng, lãi trong hạn 1.749.083 đồng, lãi quá hạn 31.071.524 đồng). Ông K thừa nhận có cầm số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy để vay vốn. ông K không trình bày đã vay bao nhiêu và đã thanh toán bao nhiêu, vào thời gian nào. Đồng thời, ông K không cung cấp sổ theo dõi về việc Cộng tác viên thu nợ, không cung cấp biên nhận hay biên lai thu tiền từ phía Ngân hàng hoặc cộng tác viên. Ông B và ông P cho rằng có thu tiền nhưng không rõ số tiền đã thu của

ông K và ông L bao nhiêu, không cung cấp tài liệu nào để chứng minh đã thu một phần hoặc toàn bộ khoản nợ của ông K và ông L. Vì ông B và ông P không thừa nhận có thu đầy đủ khoản nợ của ông K và ông L, cũng không chịu trách nhiệm đối với khoản thu này. Vì bị đơn không nộp chứng cứ chứng minh đã thanh toán hết khoản nợ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về tài sản cầm cố: Ngân hàng K có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 00ABXDC do Công an huyện TL cấp ngày 07/9/2011 (đối với xe mô tô biển kiểm soát 65HZ-KKK.MM, nhãn hiệu Honda, loại Wave S) cho ông L khi ông K và ông L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm. Ông L là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí sơ thẩm. Số tiền án phí mà ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Ngọc L phải nộp theo quy định pháp luật là 2.749.402 đồng. Ông L được miễn nên phần án phí ông K phải nộp 1.374.701 đồng.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 6 Điều 95; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299 Bộ luật dân sự; căn cứ Điều 98, 100, 108 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Buộc ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K số tiền 54.988.057 đồng (trong đó gốc 22.167.450 đồng, lãi trong hạn 1.749.083 đồng, lãi quá hạn 31.071.524 đồng), tính đến ngày 26/9/2025.

2. *Kể từ ngày 27/9/2025 ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông K và ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

3. Ngân hàng K có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 00ABXDC do Công an huyện TL cấp ngày 07/9/2011 (đối với xe mô tô biển kiểm soát 65HZ-KKK.MM, nhãn hiệu Honda, loại Wave S) cho ông L khi ông K và ông L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Trung K phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.374.701 đồng. Ông L được miễn nộp án phí. Ngân hàng K không phải nộp án phí. Đại diện Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.234.428 đồng theo biên lai thu tiền số 0000858 ngày 21/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ được hoàn lại đủ.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND KV3- Cần Thơ;*
- *Phòng THADS KV3- Cần Thơ;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm